

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị Góm, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 4750/SXD-QH ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500

khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Triệu Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, ranh giới khu đất lập quy hoạch

Phạm vi, ranh giới nghiên cứu: Khu đất lập quy hoạch chi tiết thuộc địa giới hành chính xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn (theo Quy hoạch chung đô thị Gốm được duyệt, khu đất bao gồm một phần các ô đất: dân cư mới ký hiệu DVO.9-01, DVO.9-04; dân cư hiện trạng ký hiệu HT.1-13, HT.2-05 và đường giao thông theo quy hoạch), ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đường tỉnh 517;
- Phía Nam giáp đường từ thành phố Thanh Hóa nối đường Cảng Hàng không Thọ Xuân - Khu kinh tế Nghi Sơn;
- Phía Đông giáp dân cư hiện trạng;
- Phía Tây giáp dân cư hiện trạng.

2. Quy mô lập quy hoạch

- Tổng diện tích đất lập quy hoạch 141.752,0 m² (bao gồm: đất nhóm nhà ở, đường giao thông khu vực theo quy hoạch chung).
- Quy mô dân số dự báo khoảng 1.432 người.

3. Tính chất, chức năng

Là khu dân cư mới đô thị được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bao gồm các chức năng: Các nhóm nhà ở, công trình công cộng và công viên cây xanh, sân chơi, bãi đỗ xe phục vụ dân cư.

4. Quy hoạch sử dụng đất

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đạt được của đồ án

- Đất ở mới đạt chỉ tiêu 33,51 m²/người.
- Đất cây xanh sử dụng công cộng đạt chỉ tiêu 4,66 m²/người.
- Đất thể dục thể thao đạt chỉ tiêu 1,05 m²/người.
- Đất bãi đỗ xe đạt chỉ tiêu 5,80 m²/người.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất, chỉ tiêu xây dựng

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
A	Khu A		94.429,1			66,62
1	Đất ở mới		31.936,7			22,53
1.1	Đất ở mới kiểu liền kề		22.487,4	75-100	2-5	15,86
1.1.1		LK: 01-A	1.144,9	75-85	2-5	0,81
1.1.2		LK: 01-B	1.568,0	75-85	2-5	1,11
1.1.3		LK: 01-C	1.344,0	75-85	2-5	0,95
1.1.4		LK: 01-D	1.139,0	75-85	2-5	0,80
1.1.5		LK: 02	3.191,0	75-85	2-5	2,25
1.1.7		LK: 03-A	1.556,5	75-85	2-5	1,10
1.1.8		LK: 03-B	1.910,8	75-85	2-5	1,35
1.1.9		LK: 04-A	3.131,2	75-85	2-5	2,21
1.1.10		LK: 04-B	2.139,8	75-85	2-5	1,51
1.1.12		LK: 05-A	1.476,3	75-100	2-5	1,04
1.1.13		LK: 05-B	2.000,0	75-90	2-5	1,41
1.1.14		LK: 05-C	1.885,9	75-95	2-5	1,33
1.2	Đất ở mới kiểu biệt thự		9.449,3	30-60	2-3	6,67
1.2.1		BT-01	2.479,5	40-60	2-3	1,75
1.2.2		BT-02	6.969,8	30-60	2-3	4,92
2	Đất nhà văn hóa	VH	508,9	20-40	1-2	0,36
3	Đất công viên cây xanh	CV-01	5.349,6			3,77
4	Đất bãi đỗ xe		5.100,3			3,60
4.1	Đất bãi đỗ xe 1	P-01	896,0			0,63
4.2	Đất bãi đỗ xe 2	P-02	1.000,0			0,71
4.3	Đất bãi đỗ xe 3	P-03	1.040,0			0,73
4.4	Đất bãi đỗ xe 4	P-04	700,0			0,49
4.5	Đất bãi đỗ xe 5	P-05	1.464,3			1,03
5	Đất sân chơi - thể dục thể thao	TDTT-01	1.505,8			1,06
6	Đất hạ tầng kĩ thuật		513,0			0,36
6.1	Đất xử lý nước thải	HTKT-01	338,2	20-40	1	0,24
6.2	Đất tập kết CTR	HTKT-02	174,8			0,12
7	Đất sân nội bộ (lưu không)		2.960,0			2,09
8	Đất giao thông		46.554,8			32,84
B	Khu B		47.323,3			33,38
1	Đất ở		15.587,0			11,00
1.1.	Đất ở mới kiểu liền kề		8.285,5	75-85	2-5	5,85
1.1.1		LK: 06-A	1.200,0	75-85	2-5	0,85
1.1.2		LK: 06-B	1.200,0	75-85	2-5	0,85

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
1.1.3		LK: 07-A	1.614,0	75-95	2-5	1,14
1.1.4		LK: 07-B	2.144,1	75-85	2-5	1,51
1.1.5		LK: 07-C	2.127,4	75-85	2-5	1,50
1.2.	Đất ở hiện trạng	HT	7.301,5	70-100	2-5	5,15
2	Đất công viên cây xanh	CV-02	1.286,7			0,91
3	Đất bãi đỗ xe		3.206,6			3,49
3.1	Đất bãi đỗ xe 6	P-06	1.878,4			0,63
3.2	Đất bãi đỗ xe 7	P-07	1.328,2			0,71
4	Đất hạ tầng kĩ thuật (xử lý nước thải)	HTKT-03	333,5	20-40	1	0,24
5	Đất sân nội bộ (lưu không)		1.984,9			1,40
6	Đất giao thông		24.924,6			17,58
	Tổng		141.752,4			100,00

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Hướng tiếp cận chính của khu dân cư từ các tuyến đường: Đường nối trung tâm thành phố Thanh Hóa với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường tỉnh 517. Trên cơ sở hệ thống giao thông nội bộ dạng ô bàn cờ, tổ chức các không gian chức năng của khu dân cư gồm: các nhóm nhà ở, không gian mở là các công viên cây xanh, sân chơi, công trình công cộng, bãi đỗ xe được bố trí phù hợp về bán kính phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân.

- Các trục không gian, điểm nhấn chính của khu dân cư:

+ Các trục không gian chính gồm: Tuyến đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường tỉnh 517; các tuyến đường chính của khu dân cư (tuyến D1, D3, D5, D6).

+ Điểm nhấn không gian chính: Các công viên cây xanh tập trung.

6. Thiết kế đô thị

- Với kiến trúc nhà ở: Lựa chọn hình thức kiến trúc hiện đại, sử dụng màu sắc hài hòa, phù hợp với môi trường tự nhiên tại khu vực. Đồng bộ về kích thước chiều cao tầng, ban công...vv. Khoảng lùi công trình, cao độ nền, sàn các tầng cụ thể theo bản vẽ thiết kế đô thị trong đồ án và tuân thủ quy định theo QCVN 01:2021/BXD.

- Với kiến trúc công trình công cộng: Công trình công cộng trong khu vực là công trình nhà văn hóa; theo đó cơ bản đã mang tính đặc thù theo công năng sử dụng của loại hình công trình cụ thể, các công trình cần lựa chọn hình thức kiến trúc đơn giản, màu sắc hài hòa, tạo thành điểm nhấn, không gian mở cho khu ở.

- Các thiết kế cây xanh cảnh quan: Các cây trồng trên đường phố, công viên, dải cây xanh và tại khuôn viên các công trình cần được nghiên cứu sử dụng phù hợp nhằm tăng tính thẩm mỹ cũng như tạo nên tính “chủ đề” cho từng không gian thiết kế. Cây xanh hè phố được quy định với khoảng cách cây được bố trí vào khoảng giữa 2 lô đất, với các chủng loại cây tán rộng, lá to, không đậu quả, bóng mát vào mùa hè,...

- Thiết kế, thi công xây dựng các công trình trong khu vực yêu cầu phải tuân thủ về chiều cao, mật độ, khoảng lùi,... được quy định tại đồ án quy hoạch chi tiết và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Tầng cao xây dựng: khu vực xây dựng quy định không vượt quá 5 tầng. Các công trình nhà ở trên tuyến phố có chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ của tuyến đường giao thông tiếp giáp, tuy nhiên phải đảm bảo mật độ xây dựng tối đa cụ thể đối với từng lô đất theo QCVN 01:2021/BXD.

- Gắn kết hệ thống cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực tạo thành các không gian mở, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí. Tạo lập không gian đô thị đồng bộ, hài hòa với tự nhiên, phát triển bền vững.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn: Mặt cắt 1-1, lộ giới 80,0 m (mặt cắt chi tiết tuân thủ quy hoạch chung đô thị được duyệt).

- Đường tỉnh 517:

+ Đoạn tiếp giáp dân cư hiện trạng (mặt cắt 2-2) có lộ giới: 27,0 m (lòng đường: 17,0 m; hè đường: 5,0 m x2).

+ Đoạn không tiếp giáp dân cư hiện trạng (mặt cắt 2'-2') có lộ giới: 39,0 m (lòng đường: 17,0 m; Hè đường: 5,0 m x2; dải phân cách 4,5 m; đường gom 7,5 m).

b) Giao thông nội bộ:

- Các tuyến giao thông nội bộ được cải tạo mở rộng và đầu tư xây dựng mới bao gồm:

- Tuyến đường N1; N2; N3; N4; N5; D2; D4; D6; D7 (mặt cắt 3-3) có lộ giới 17,5 m (lòng đường 7,5 m; hè đường 5,0 m x2).

- Đường D1; D3; D5 (mặt cắt 4-4) có lộ giới: 20,5 m (lòng đường: 10,5 m; hè đường: 5,0 m x2).

- Đường D6' (mặt cắt 3'-3') có lộ giới: 21,5 m (lòng đường: 7,5 m; Hè đường: 5,0 m + 9,0 m phía có tuyến điện 35 hiện hữu đi qua).

- Đường D8 (mặt cắt 5-5) có lộ giới: 13,0 m (lòng đường 7,0 m; hè đường 3,0 m x2).

7.2. Quy hoạch san nền

- Khu vực quy hoạch có cao độ san nền lựa chọn trên cơ sở đảm bảo khả năng thoát nước mặt và đảm bảo khối lượng công tác đất tối thiểu.

- Cao độ san nền cao nhất: + 5.0 m.

- Cao độ san nền thấp nhất: +3.8 m.

- Giải pháp thiết kế:

- + Cao độ thiết kế san nền được lựa chọn bảo đảm yêu cầu thoát nước của công trình đồng thời khối lượng san nền là ít nhất.

- + Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế với độ chênh lệch cao giữa hai đường đồng mức $h = 0,05$ m, $h = 0,10$ m bảo đảm cho mái dốc của nền có độ dốc $i \geq 0,003$.

- + Cao độ san nền được thiết kế nội suy trên cơ sở đường đồng mức thiết kế san nền. Cao độ tự nhiên được nội suy trên cơ sở cao độ hiện trạng địa hình theo bản vẽ đo đạc hiện trạng địa hình.

7.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư mới được thiết kế đi riêng rồi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước mưa sau khi thu gom thoát về sông Hoàng phía Đông khu đất.

- Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn kích thước D500-D1000 đi dưới lòng đường; khu vực tiếp giáp với dân cư hiện trạng bố trí ga thu về cống ngầm dưới đường.

7.4. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: 220,0 m³/ng.đ.

- Nguồn nước: Vị trí lấy nước được đầu nối với đường ống cấp nước quy hoạch chung chạy dọc tuyến đường tỉnh 517.

- Giải pháp mạng lưới đường ống cấp nước:

- + Hệ thống cấp nước dịch vụ dùng đường ống HDPE D110, đường ống cấp nước qua đường được bảo vệ bằng ống thép D150.

- + Hệ thống cấp nước phân phối dùng đường ống HDPE D50, đường ống cấp nước qua đường được bảo vệ bằng ống thép D75.

+ Độ sâu chôn ống phụ thuộc độ dốc đường, trung bình chôn sâu 0,6m so với mặt hè.

- Đường ống cấp nước cứu hỏa ngoài nhà có đường kính D110, các trụ cứu hỏa chọn loại nổi D100, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa 100-120 m/trụ.

7.5. Quy hoạch cấp điện

- Tổng nhu cầu sử dụng điện cho khu vực quy hoạch là 903 kVA.

- Nguồn điện: Đầu nối từ đường dây trung áp 35 kV hiện có sau khi cải dịch.

- Trạm biến áp:

+ Khu vực phía Tây (Khu A): Xây dựng mới 01 TBA 2x320 kVA.

+ Khu vực phía Đông (Khu B): Nâng cấp TBA Đồng Tiến 7 hiện có từ 180 kVA lên 400 kVA.

- Lưới điện:

+ Xây dựng đường dây hạ thế 0,4 kV cấp điện cho toàn bộ khu quy hoạch.

+ Cấp hạ thế được đi ngầm dưới vỉa hè theo các trục đường giao thông nội khu cấp tới các tủ điện phân phối; Tủ điện hạ thế bố trí trên vỉa hè, bán kính cấp điện không quá 25 m, vị trí đặt tủ tương ứng giáp ranh của 2 lô đất.

+ Đối với các tủ gom công tơ được bố trí ngoài trời trên hè, có cấu tạo chịu được ảnh hưởng trực tiếp của môi trường. Vị trí tủ gom công tơ được bố trí trên vỉa hè, vị trí đặt tủ tương ứng giáp ranh của 2 lô đất.

- Quy hoạch chiếu sáng cho toàn bộ các tuyến đường trong khu vực.

7.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt khu vực quy hoạch là 207 m³/ng.đ.

- Thiết kế tại Khu A, bể xử lý nước thải có công suất 132 m³/ng.đ. Khu B bể xử lý nước thải có công suất 75 m³/ng.đ. Sử dụng công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp cơ học, hóa lý và sinh học được xây dựng khép kín và có hệ thống thu gom và xử lý mùi.

- Nước thải sau khi được xử lý thoát ra hệ thống thoát nước mưa khu vực tiếp giáp sau đó thoát ra sông Hoàng.

b) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nhu cầu thu gom rác thải khoảng 2,06 tấn/ng.đ. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được tổ chức thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định.

- Bố trí 01 điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí lô đất HTKT-02, đảm bảo thuận tiện cho xe cơ giới ra/vào thu gom rác; hằng ngày đơn vị xử lý rác thải vận chuyển rác đến bãi xử lý theo quy định.

7.7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

- Tổng nhu cầu dịch vụ viễn thông của khu vực lập quy hoạch: 383 đường dây thuê bao.

- Giải pháp thiết kế: Từ điểm đầu nối, xây dựng các tuyến cáp chính cấp tín hiệu đến tủ cáp trung tâm MDF, từ tủ trung tâm các tuyến nhánh cấp tín hiệu đến các tủ cáp phân phối IDF trong khu vực quy hoạch. Các tuyến cáp nhánh đi ngầm dưới vỉa hè hoặc đi chung trong hào cáp kỹ thuật cùng với các tuyến hạ tầng khác. Tủ đầu nối IDF được đặt nổi trên bề mặt để đảm bảo vận hành trong mọi điều kiện thời tiết, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường không khí: Giảm lượng bụi, tiếng ồn và dầu mỡ trong quá trình xây dựng bằng biện pháp tưới nước trên đường vận chuyển vật liệu, đất, đá của công trình; sử dụng máy thi công có mức độ hoạt động tốt và nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Bảo vệ môi trường nước: Đối với những khu vực trong mặt bằng xây dựng bị đọng nước do mưa hoặc có khả năng gây úng ngập cho công trình xung quanh phải tổ chức rãnh thoát nước và không ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực.

- Biện pháp xử lý chất thải: Trong quá trình thi công xây dựng dự án, đất đã thải phải được vận chuyển, đổ thải đúng nơi quy định. Sau khi dự án hoàn thành, chất thải rắn chủ yếu là rác thải sinh hoạt, chất thải phải được phân loại tại nguồn và vận chuyển tới điểm tập kết CTR sinh hoạt.

- Trong quá trình hoạt động của khu nhà ở đô thị phải đảm bảo thực hiện đúng theo giải pháp thiết kế về thu gom xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt đã được xác định trong đồ án quy hoạch. Có biện pháp giám sát, theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường với các trọng tâm, trọng điểm hợp lý, cảnh báo kịp thời các diễn biến bất thường hay nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường để có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề về môi trường. Thường xuyên tuyên truyền, xây dựng nội quy, quy chế nhằm nâng cao ý thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường.

9. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

- Hạng mục ưu tiên đầu tư: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình kiến trúc xác định trong đồ án theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, nhà ở.

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Tây Bắc xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Triệu Sơn có trách nhiệm:

- Hoàn thiện, xuất bản hồ sơ đồ án được phê duyệt để lưu trữ; tổ chức công bố rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch, chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Bàn giao hồ sơ quy hoạch chi tiết được phê duyệt (thành phần hồ sơ quy hoạch theo quy định, hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các văn bản pháp lý khác có liên quan) cho Sở Xây dựng, Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa, UBND xã Đồng Tiến¹ và các đơn vị liên quan để lưu giữ, đăng tải thông tin quy hoạch và quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt.

- Rà soát sự đồng bộ của các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác liên quan với quy hoạch chi tiết đô thị được phê duyệt để thực hiện điều chỉnh (nếu có) để đảm bảo đồng bộ giữa các quy hoạch.

- Lập kế hoạch thực hiện đầu tư, xác định các giải pháp thực hiện quy hoạch trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư phù hợp quy định pháp luật.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực cần bảo vệ ...) để quản lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục đấu nối về hạ tầng kỹ thuật khu vực với cơ quan chủ quản liên quan, các hồ sơ về thiết kế xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Khi thực hiện đầu tư dự án yêu cầu phối hợp chặt chẽ với cơ quan Quân sự các cấp để giải quyết những vấn đề có liên quan đến quốc phòng, an ninh theo quy định pháp luật.

2. Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa thực hiện đăng tải nội dung hồ sơ quy hoạch lên Công thông tin quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị Việt Nam (<http://quyhoach.xaydung.gov.vn>) chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt.

3. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn thực hiện quy hoạch chi tiết được duyệt.

¹ Theo Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 của UBTVQH về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H10.(2025)QDPD_QHCT KDC Dong Thang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm